

**Câu 3:** Bảng tổng kết tài sản của NHTM cổ phần A đầu ngày 1/8 có tình hình sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN CÓ	SỐ TIỀN	TÀI SẢN NỢ	SỐ TIỀN
1. Tiền mặt	800	1.TG của khách hàng	6000
2. Tiền gửi NHNN	3000	2.Tiết kiệm	14000
3. TG NHTM khác	300	3.Chứng chỉ tiền gửi	10500
4. Tín dụng	25000	4.Tiền vay	2000
5. Đầu tư	8000	5.Vốn tự có	3500
6. Tài sản cố định	1000	6.Tài sản nợ khác	2700
7. Tài sản có khác	600		
<b>Cộng</b>	<b>38700</b>		<b>38700</b>

**Yêu cầu:**

1. Hãy tính hệ số H1, H3 vào cuối ngày và cho nhận xét tình hình đảm bảo yêu cầu vốn của NHTM cổ phần A
2. Giả sử vào cuối ngày, một khách hàng đến Ngân hàng xin vay số tiền 9500 bằng tín chấp, Ngân hàng có nên cho vay hay không để đảm bảo hệ số  $H3 \geq 8\%$ . Nếu cho vay thì cho vay bao nhiêu?

**Biết rằng:**

- a. Trong đầu tư có 3000 là dự trữ thứ cấp (trái phiếu chính phủ thời hạn dưới 1 năm), phần còn lại là trái phiếu công ty.
- b. Trong Tín dụng có 20% là chiết khấu thương phiếu, 30% là tín dụng có đảm bảo bằng bất động sản và còn lại là tín dụng không đảm bảo.
- c. Trong ngày, ngân hàng thu nợ 300, trong đó tín dụng có đảm bảo bằng bất động sản là 100, tín dụng không đảm bảo là 200.
- d. Tài khoản ngoại bảng:
  - Bảo lãnh vay: 2500
  - Bảo lãnh thanh toán: 3500
  - Bảo lãnh dự thầu: 4000

**Bài làm:**

**1. Tính hệ số H1 và H3 vào cuối ngày:**

**1.1. Tính hệ số H1**

CT:  $H1 = \frac{VTC}{\text{Tổng nguồn vốn huy động}} \times 100\%$ . Trong đó:

- Vốn tự có VTC (cấp I) = 3.500

- Tổng nguồn vốn huy động = Tiền gửi + Tiết kiệm + Chứng chỉ tiền gửi = 6.000 + 14.000 + 10.500 = 30.500

Vậy  $H1 = 3.500/30.500 \times 100\% = 11,47\%$

\* Nhận xét:

Hệ số  $H1=11,47\%$  thể hiện mức huy động vốn của ngân hàng này ở mức độ an toàn khá cao (so với mức tối thiểu mà các nhà quản trị đưa ra là  $H1=5\%$ ). Tổng nguồn vốn huy động bằng xấp xỉ 8,71 lần vốn tự có.

## 1.2. Tính hệ số H3

CT:  $H3 = \text{Vốn tự có} / \text{Tổng tài sản "Có" rủi ro} \times 100\%$ . Trong đó:

\* Vốn tự có VTC = VTC cấp I + VTC cấp II = 3.500 + 0 = 3.500

\* Tổng tài sản "Có" rủi ro = Tài sản "Có" rủi ro nội bảng + Tài sản "Có" rủi ro ngoại bảng. Trong đó:

- Tài sản "có" rủi ro nội bảng được tính:

Tài sản "có" rủi ro nội bảng = TS có nội bảng x Hệ số rủi ro

Phân nhóm TS nội bảng theo hệ số rủi ro:

+ Tài sản có hệ số rủi ro 0%: 4.100. Gồm:

Tiền mặt (bao gồm cả thu nợ trong ngày): 800 + 300

Tiền gửi NHNN: 3.000

Đầu tư (dự trữ thứ cấp- trái phiếu Chính phủ): 3.000

+ Tài sản có hệ số rủi ro 20%: 300 (Gồm tiền gửi NHTM 300)

+ Tài sản có hệ số rủi ro 50%: 7.500 - 100 = 7.400. Gồm:

Tín dụng có bảo đảm bằng bất động sản: 25.000 x 30% = 7.500

(Trừ đã thu nợ trong ngày đối với tín dụng có bảo đảm bằng bất động sản: 100)

+ Tài sản có hệ số rủi ro 100%: 23.900. Gồm:

Tài sản cố định: 1.000

Tài sản có khác: 600

Tín dụng là chiết khấu thương phiếu: 25.000 x 20% = 5.000

Đầu tư trái phiếu công ty: 8.000 - 3000 = 5.000

Tín dụng không đảm bảo: 25.000 - 5.000 - 7.500 = 12.500

(Trừ đã thu nợ trong ngày đối với tín dụng không đảm bảo: 200)

**Vậy TS "Có" rủi ro nội bảng = 4.100 x 0% + 300 x 20% + 7.400 x 50% + 23.900 x 100% = 27.660**

- Tài sản "Có" rủi ro ngoại bảng được tính:

Tài sản "Có" rủi ro ngoại bảng = TS có ngoại bảng x Hệ số chuyển đổi x Hệ số rủi ro.

Phân nhóm TS theo hệ số chuyển đổi và hệ số rủi ro như sau:

+ Hệ số chuyển đổi 100%, hệ số rủi ro 100%: 2.500 + 3.500 (bảo lãnh vay và bảo lãnh thanh toán).

+ Hệ số chuyển đổi 50%, hệ số rủi ro 100%: 4.000 (bảo lãnh dự thầu).

**Vậy TS "Có" rủi ro ngoại bảng = 6.000 x 100% x 100% + 4.000 x 50% x 100% = 8.000**

→ **Tổng TS "Có" rủi ro = 27.660 + 8.000 = 35.660**

→ **Hệ số H3 = 3.500/35.660 x 100% = 9,8%**

\* **Nhận xét:**

Hệ số H3 được các nhà quản trị ngân hàng đưa ra để đảm bảo ngân hàng có khả năng thanh toán các khoản nợ có thời hạn và mức độ an toàn trong hoạt động tín dụng của NHTM thì  $H3 \geq 9\%$ . Ở đây ngân hàng này có hệ số  $H3 = 9,8\%$  cho thấy khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ có thời hạn và đảm bảo mức độ an toàn tín dụng.

**2. Nếu cho vay để đảm bảo hệ số  $H3 \geq 8\%$  thì số tiền cho vay là:**

Gọi số tiền cho vay là Y (vay bằng tín chấp). Đây là nhóm TS có hệ số rủi ro 100%  $\rightarrow$  TS “Có” rủi ro nội bảng = 27.660 + Y

Tổng TS “Có” rủi ro = 27.660 + Y + 8.000 = 35.660 + Y

Ta có phép tính:

$$H3 = 3.500 / (35.660 + Y) \geq 8\% \Leftrightarrow Y \leq 8.090$$

Vậy, nếu cho vay để đảm bảo hệ số  $H3 \geq 8\%$  thì số tiền cho vay là  $\leq 8.090$

Trong nguyên tắc quản trị tài sản có quy định về giới hạn vốn cho vay một khách hàng:  $\text{Dư nợ cho vay} \leq 15\% \text{ VTC} \Leftrightarrow \text{Dư nợ cho vay} \leq 15\% \times 3.500 = 525$ . Vì vậy để đảm bảo thanh toán các khoản nợ có thời hạn và an toàn trong hoạt động tín dụng thì ngân hàng nên cho vay tối đa với khách hàng này là 525.

**Câu 4:** Có số liệu các báo cáo tài chính của ngân hàng ACB như sau:

**Yêu cầu:**

1. Anh chị có nhận xét gì về kết cấu tài sản và nguồn vốn của Ngân hàng Á Châu?
2. Anh chị hãy đánh giá hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng thông qua một số chỉ tiêu phân tích tài chính đã được nghiên cứu?

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006**

	Ghi chú	2006 Triệu đồng	2005 Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền, kim loại quý và đá quý	4	2.284.848	1.532.492
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.562.926	988.784
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	6	2.839.850	427.153
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	7	13.212.586	5.926.745
Cho vay các tổ chức tín dụng trong nước	8	349.393	181.407
Chứng khoán kinh doanh	9	640.195	39.218
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	10	17.014.419	9.381.517
Trừ: dự phòng rủi ro tín dụng	10.7	(60.305)	(20.825)
Đầu tư chứng khoán nợ	11		
- sẵn sàng để bán	11.1	11.061	456.515
- giữ đến ngày đáo hạn	11.2	4.217.560	4.367.252
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	12	130.964	11.713
Đầu tư vào các đơn vị khác	13	312.494	125.003
Tài sản cố định hữu hình	14	574.440	257.880
Tài sản cố định vô hình	15	17.133	12.470
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định	16	405.374	224.128
Tài sản khác	17	1.132.101	361.412
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>44.645.039</b>	<b>24.272.864</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	941.286	967.312
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	19	3.249.941	1.123.576
Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	21	288.532	265.428
Tiền gửi của khách hàng	20	33.606.013	19.984.920
Trái phiếu chuyển đổi phát hành	22	1.650.069	-
Nợ khác	23	3.173.049	630.026
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		39.634	18.396
<b>TỔNG NỢ</b>		<b>42.948.524</b>	<b>22.989.658</b>
<b>VỐN VÀ CÁC QUỸ</b>			
<b>Vốn và các quỹ của chủ sở hữu Ngân hàng mẹ</b>			
Vốn góp	24	1.100.047	948.316
Các quỹ dự trữ	25	187.727	138.973
Lợi nhuận chưa phân phối	25	366.213	195.917
		1.653.987	1.283.206
Cổ đông thiểu số	2.2 (ii)	42.528	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>44.645.039</b>	<b>24.272.864</b>
<b>CÁC CAM KẾT HẠNG TÍN TÀI</b>	40	1.366.019	816.930

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

	Ghi chú	2006 Triệu đồng	2005 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản tương tự thu nhập lãi	26	2.490.616	1.354.980
Chi phí lãi và các khoản tương tự chi phí lãi	27	(1.670.044)	(840.715)
<b>THU NHẬP LÃI RÒNG</b>		<b>820.572</b>	<b>514.265</b>
Thu nhập từ các khoản phí và dịch vụ	28	172.980	112.807
Chi trả phí và dịch vụ	29	(24.645)	(15.599)
<b>THU PHÍ VÀ DỊCH VỤ THUẦN</b>		<b>148.335</b>	<b>97.208</b>
Thu cổ tức		34.649	30.778
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ	30	23.514	14.640
Thu nhập thuần từ đánh giá lại ngoại tệ và vàng	31	46.806	24.961
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	32	97.277	2.626
Thu nhập từ hoạt động khác	33	112.827	805
<b>THU NHẬP KHÁC</b>		<b>315.073</b>	<b>73.810</b>
Tiền lương và chi phí có liên quan	34	(197.211)	(108.538)
Chi phí khấu hao	14, 15	(47.509)	(25.520)
Chi phí hoạt động khác	35	(321.071)	(154.884)
<b>CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>(565.791)</b>	<b>(288.942)</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.7	(40.597)	(12.201)
Thu nhập từ thu hồi các khoản nợ khó đòi		6.137	7.614
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	(1.405)
		(34.460)	(5.992)
<b>THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>683.729</b>	<b>390.349</b>
Lợi nhuận được hưởng từ các công ty liên kết và liên doanh		3.490	1.201
<b>THU NHẬP TRƯỚC THUẾ</b>		<b>687.219</b>	<b>391.550</b>
<b>THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>	37	<b>(181.643)</b>	<b>(92.349)</b>
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>(148)</b>	<b>-</b>
<b>LỢI NHUẬN RÒNG TRONG NĂM</b>		<b>505.428</b>	<b>299.201</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu phân bổ cho cổ đông sở hữu của Ngân hàng mẹ trong năm:</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (được tính trên số lượng cổ phiếu hiện hành)	38(a)	4.527	3.811
Lãi trên cổ phiếu có tính pha loãng (được tính dựa trên giả định rằng các trái phiếu chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong năm nhưng trong thực tế việc này chưa diễn ra).	38(b)	3.569	3.811



Chủ tịch  
Trần Mộng Hùng  
Ngày 05 tháng 3 năm 2007



Tổng Giám đốc  
Lý Xuân Hải

Kế toán trưởng  
Nguyễn Văn Hòa



## **1. Nhận xét về kết cấu tài sản và nguồn vốn của ngân hàng Á Châu**

Tại bảng cân đối kế toán hợp nhất 31/12/2006:

1.1. Về tài sản gồm các thành phần chính như sau:

\* *Ngân quỹ: gồm tiền, kim loại và đá quý; tiền gửi các loại*

Năm 2005: 8.875.174 = 36,56% tổng TS

Năm 2006: 19.900.210 = 44,57% tổng TS

\* *Cho vay các TCTD:*

Năm 2005: 181.407 = 0,74% tổng TS

Năm 2006: 349.393 = 0,78% tổng TS

\* *Cho vay và tạm ứng cho khách hàng:*

Năm 2005: 9.381.517 = 38,65% tổng TS

Năm 2006: 17.014.419 = 38,11% tổng TS

\* *Đầu tư trực tiếp: gồm đầu tư vào các công ty liên kết và các đơn vị khác*

Năm 2005: 136.716 = 0,56% tổng TS

Năm 2006: 443.458 = 0,99% tổng TS

\* *Đầu tư gián tiếp: gồm đầu tư chứng khoán kinh doanh và đầu tư chứng khoán nợ*

Năm 2005: 4.862.985 = 20,03% tổng TS

Năm 2006: 4.868.816 = 10,90% tổng TS

\* *Tài sản cố định: gồm TSCĐ hữu hình, vô hình và XD/CB dở dang, mua sắm TSCĐ*

Năm 2005: 494.478 = 2,03% tổng TS

Năm 2006: 996.947 = 2,23% tổng TS

**Nhận xét:** Ngân hàng Á Châu đã đầu tư vào khá nhiều lĩnh vực:

- Ngân quỹ của ngân hàng chiếm tỷ lệ trong tổng TS khá cao, năm 2006 cao hơn năm 2005 (36,56% và 44,57% trong tổng TS). Đây là nhóm TS có khả năng thanh khoản cao, tuy nhiên khả năng sinh lời thấp hoặc không có;

- Cho vay các tổ chức tín dụng chiếm tỷ lệ không đáng kể trong tổng TS (0,74% và 0,78% trong tổng TS);

- Cho vay và tạm ứng cho khách hàng: cả 2 năm đều duy trì tỷ lệ khoảng 38% trong tổng TS, tuy nhiên năm 2006 tăng 81,36% so với năm 2005 và tỷ trọng cho vay và tạm ứng này năm 2006 vẫn thấp hơn tỷ trọng của ngân quỹ trong tổng TS (38,11% so với 44,57%). Đây là khoản mục tài sản chủ yếu cần quan tâm hàng đầu trong hoạt động của ngân hàng và phải chiếm tỷ trọng lớn nhất trong toàn bộ TS Có của ngân hàng;

- Đầu tư gián tiếp trong 2 năm duy trì về số tuyệt đối, năm 2005 chiếm tỷ trọng cao trong tổng TS (20,03%); năm 2006 có xu hướng giảm và chỉ còn chiếm 10,90% trong tổng TS;

- Đầu tư trực tiếp và mua sắm TSCĐ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng TS.

1.2. Về nguồn vốn gồm các thành phần chính như sau:

\* *Tiền vay: gồm vay NHNN và các tổ chức tín dụng*

Năm 2005: 2.090.888 = 8,61% tổng NV

Năm 2006: 4.191.227 = 9,38% tổng NV

\* *Tiền gửi của khách hàng*

Năm 2005: 19.984.920 = 82,33% tổng NV

Năm 2006: 33.606.013 = 75,27% tổng NV

**Nhận xét:**

Đây là 2 khoản mục chính trong nguồn vốn của ngân hàng. Trong đó tiền vay ngân hàng đã duy trì ở tỷ lệ khoảng 9%; Tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ lệ cao, đây là thành phần chủ yếu trong tài sản Nợ của ngân hàng, tuy nhiên tiền gửi năm 2006 đã giảm về tỷ trọng so với năm 2005 (75,27% so với 82,33%).

**2. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của ngân hàng:**

\* Chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản ROA = Lợi nhuận ròng/Tài sản Có bình quân x 100%.

Tài sản Có bình quân =  $(44.645.039 + 24.272.864) / 2 = 34.458.952$ .

ROA =  $505.428 / 34.458.952 \times 100\% = 1,46\%$ .

Tỷ lệ ROA trên cho thấy NH Á Châu hoạt động kinh doanh tốt.

\* Chỉ tiêu Lợi nhuận ròng trên vốn tự có ROE = Lợi nhuận ròng/Vốn tự có bình quân x 100%.

Vốn tự có = Vốn và các quỹ chủ sở hữu + Vốn góp của cổ đông thiểu số

Vốn tự có bình quân =  $(1.653.987 + 42.528) + 1.283.206 / 2 = 1.489.861$

ROE =  $505.428 / 1.489.861 = 33,92\%$ .

Hiệu quả sử dụng vốn của NH rất cao.

Từ các chỉ tiêu cơ bản trên cho thấy Ngân hàng Á Châu có hiệu quả kinh doanh được xác định bằng lợi nhuận ròng so với nguồn vốn tự có và tài sản có là khá cao.